

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 255/2020/HNGĐ-ST
Ngày 17-8-2020
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Thanh Phú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Mỹ Hoa.
2. Ông Võ Hồng V.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quý - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 56/2020/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 68/2020/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Mỹ T, sinh năm 1988 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Ngọc N, sinh năm 1981 (vắng mặt);

Địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn Vĩnh Bình, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn ly hôn ngày 25/02/2020 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Mỹ T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Ngọc N chung sống từ năm 2009, do quen biết trước, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Dĩ An, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận kết hôn số 28/2009 ngày 14/02/2009. Quá trình chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2018 thì giữa vợ chồng phát sinh mâu

thuần do bất đồng quan điểm sống dẫn đến tình cảm ngày càng phai nhạt. Chị và anh N đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không được, đến nay thì không còn quan tâm đến nhau. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên chị yêu cầu được ly hôn với anh N.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc L, sinh ngày 27/9/2010 và Nguyễn Ngọc V, sinh ngày 01/10/2011. Ly hôn, chị T yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

* Bị đơn anh Nguyễn Ngọc N đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng anh N vẫn vắng mặt không lý do, cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn.

* Ý kiến của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý và xét xử vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên không kiến nghị gì về tố tụng.

Về nội dung: Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng đã đến mức trầm trọng, tình cảm không thể hàn gắn được; đối với con chung các cháu L, V có nguyện vọng được sống với mẹ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Trần Thị Mỹ T yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Ngọc N và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung nên đây là tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Nguyễn Ngọc N có nơi cư trú tại khu phố 3, thị trấn V, huyện G nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Chị Trần Thị Mỹ T có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa; anh Nguyễn Ngọc N đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị T, anh N.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Mỹ T và anh Nguyễn Ngọc N chung sống trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân thị trấn Dĩ An, huyện Dĩ

An, tỉnh Bình Dương cấp giấy chứng nhận kết hôn số 28/2009 ngày 14/02/2009 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Quá trình chung sống, giữa chị T và anh N xảy ra mâu thuẫn kéo dài không tự hàn gắn được. Theo Biên bản xác minh ngày 18/6/2020 (BL: 21) của Tòa án đối với chính quyền địa phương nơi chị T, anh N cư trú thì nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa vợ chồng là do anh N thường xuyên uống rượu và nghỉ ngơi chị T có tình cảm với người đàn ông khác. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập để hòa giải nhằm hàn gắn tình cảm giữa hai bên nhưng anh N vẫn vắng mặt không lý do, điều đó chứng tỏ anh N không còn quan tâm đến việc hàn gắn tình cảm vợ chồng. Thấy rằng, giữa chị T và anh N không có sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, nên cần xác định tình trạng mâu thuẫn giữa chị T và anh N đã trầm trọng, hạnh phúc hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: Chị T và anh N có 02 con chung chưa thành niên tên Nguyễn Ngọc L và Nguyễn Ngọc V; chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung.

Tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quy định: *“Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con; ...”*.

Do anh N vắng mặt nên không có sự thỏa thuận với chị T về người trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Nguyên vọng của các cháu L, V là muốn được sống với chị T trong trường hợp chị T và anh N ly hôn (BL: 19, 20); để tạo điều kiện thuận lợi, đảm bảo sự phát triển bình thường cho các cháu nên Hội đồng xét xử giao các cháu L, V cho chị T được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Nếu sau này anh N có yêu cầu về con chung sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ án khác.

Chị T không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt vấn đề giải quyết.

[5] Về chia tài sản, nợ chung: Chị T, anh N không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí: Chị T là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 và tiểu mục 1.1 mục 1 phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Về ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Mỹ T.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Thị Mỹ T được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc N.

- Về con chung: Giao các cháu Nguyễn Ngọc L, sinh ngày 27/9/2010 và Nguyễn Ngọc V, sinh ngày 01/10/2011 cho chị Trần Thị Mỹ T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Nguyễn Ngọc N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Nguyễn Ngọc N có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở.

2. Về án phí: Chị Trần Thị Mỹ T phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0016358 ngày 25/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây nên chị T đã nộp xong án phí.

Anh Nguyễn Ngọc N không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt bản án hoặc niêm yết công khai bản án, chị Trần Thị Mỹ T và anh Nguyễn Ngọc N được quyền kháng cáo bản án đến Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Gò Công Tây;
- Chi cục THADS huyện Gò Công Tây;
- UBND thị trấn Dĩ An, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thanh Phú

